

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 41/2023/HNGĐ - ST

Ngày 25/8/2023

V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Huy Khoa và bà Cao Thị Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thê - Thư ký Tòa án

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên
tòa:** Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, Sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Người được bà L ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng:

Ông Bùi Hữu Q, sinh năm 1985

Địa chỉ nơi thường trú: Số 201- P14 Tập thể T, phường T, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội - Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2023.

Bị đơn: Ông Nguyễn Sỹ M, Sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 18/7/2023 và trong quá trình tố tụng bà Trần Thị L trình bày:

Bà L và ông M kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đông Hưng vào ngày 08/3/1989. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn M, xã L, huyện Đông Hưng, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông M không biết quan tâm đến gia đình vợ

con, cứ về đến nhà là chửi bới vợ, ngoài ra bà còn nghi ngờ ông M không chung thủy. Thời gian chung sống một mình bà L phải lo toan kinh tế cho gia đình, nuôi con cái ăn học, cũng từ năm 2013 mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay bà L xác định bà không còn tình cảm với ông M không thể chung sống cùng ông M, nên bà xin được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà L và ông M có 02 con chung là Nguyễn Sỹ M, sinh ngày 13/3/1990 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/01/1996. Các con chung đã trưởng thành tự lập về kinh tế không phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận mải bà L xin được vắng mặt tại phiên Tòa xét xử việc ly hôn giữa bà và ông M, bà L ủy quyền cho ông Bùi Hữu Q là người đại diện cho bà nộp và nhận các tài liệu liên quan khi Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông M nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Do sức khỏe không tốt nên bà xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và tại các phiên xét xử của Tòa án các cấp.

Ông M trình bày: Ông và bà L tự nguyện kết hôn tại UBND xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình năm 1989, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường không xảy ra mâu thuẫn nhưng cách đây 02 năm bà L tự ý bỏ đi, ông không biết bà L đi đâu, chỉ biết bà L đi làm ăn, đến năm 2022 bà L quay về chung sống với ông được một thời gian, khi quay về ông có hỏi bà L đi đâu, làm gì nhưng bà L không nói. Nay bà L xin ly hôn, ông thấy không có lỗi gì nên ông không thuận tình ly hôn, Tòa án có triệu tập ông để tham gia hòa giải nhưng ông thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông không đến để tham gia hòa giải. Đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà L có hai con chung Nguyễn Sỹ M, sinh ngày 13/3/1990 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/01/1996.

Các con chung đã trưởng thành tự lập về kinh tế không phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận mải ông M xin được vắng mặt tại phiên Tòa xét xử việc ly hôn giữa ông và bà L.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của bà L đã tuân thủ quy định của pháp luật, ông M chưa tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của bà L, xử cho bà L được ly hôn ông M. Về con chung: Các con đã trưởng thành không đặt ra xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Các

đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí buộc bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà L, ông M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, và nghi ngờ lòng chung thủy của nhau vì vậy tình cảm lạnh nhạt dần. Từ năm 2013 mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân còn không quan tâm đến nhau. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông M. Ông M không thuận tình ly hôn nhưng ông cũng xác định việc hòa giải để vợ chồng đoàn tụ là khó, khi Tòa án tiến hành hòa giải ông M cũng vắng mặt, điều đó thể hiện việc ông M không còn thiết tha đoàn tụ, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của bà L, xử cho bà L được ly hôn ông M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Bà L và ông M có 02 con chung là Nguyễn Sỹ M, sinh ngày 13/3/1990 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/01/1996. Các con chung của ông M, bà L đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, tự lập về kinh tế nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà L, ông M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Nguyễn Sỹ M.

2/ Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí:

Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyên số tiền bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003288 ngày 19/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

Các đương sự;

- VKS huyện Đông Hưng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Thi hành án dân sự Đông Hưng;
- UBND xã L;

Lưu Hồ sơ, Văn phòng .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Hà Thị Nhung